|  |
| --- |
| TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN  **TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ**  **THUYẾT MINH DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  **(TÊN DỰ ÁN)**  **Chủ nhiệm Dự án: .................**  **Đơn vị công tác: ...................**  **..............., tháng......năm 202......** |

###### THUYẾT MINH DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Tên dự án KHCN:** | **1a. Mã số của dự án:** *(được cấp khi hồ sơ trung tuyển)* |
| **2. Địa điểm, thời gian thực hiện dự án:**  ***2.1. Địa điểm: .....................***  ***2.2. Thời gian thực hiện: …… tháng 9 (từ tháng*** *…...****/202****…*  ***đến tháng*** *…...****/202****….* | | |
| **3. Cấp quản lý**  Nhà nước  Bộ  Cơ sở  Tỉnh | | |
| **4. Kinh phí:** triệu đồng, trong đó:  - Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học (SNKH):  - Từ nguồn khác: | | |
| **5. Thuộc chương trình(nếu có)** | | |
| **6. Chủ nhiệm dự án**  Họ và tên:  Học hàm/học vị:  Chức danh khoa học:  Điện thoại : (CQ)/ (NR) Fax:  Mobile : Email :  Địa chỉ cơ quan :  Địa chỉ nhà riêng: | | |
| 1. **Thư ký dự án**   Họ và tên:  Học hàm/học vị:  Chức danh khoa học:  Điện thoại : (CQ)/ (NR) Fax:  Mobile : Email :  Địa chỉ cơ quan :  Địa chỉ nhà riêng: | | |
| 1. **Cơ quan chủ trì thực hiện dự án:**   Tên cơ quan chủ trì:  Điện thoại : Fax :  E-mail :  Địa chỉ:  Số tài khoản: , tại  Họ tên người đứng đầu cơ quan chủ trì:  Chức vụ: | | |
| **9. Cơ quan chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**  Tên cơ quan: ...................................  Địa chỉ: ...................................  Điện thoại: .................. Fax : ................. E-mail : ....................  Tài khoản: ...................................  **10. Tổ chức phối hợp**  (Tên cơ quan, địa chỉ, điện thoại, .... ) | | |

**II. CÁC CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG DỰ ÁN**

**11. Sự cần thiết phải triển khai dự án:** (*Phần này viết ngắn gọn các nội dung sau:*

*- Sự cần thiết phải ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào khu vực dự án.*

*- Sơ lược về hiệu quả do dự án mang lại:*

*Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...*

*- Khả năng nhân rộng mô hình và duy trì dự án sau khi kết thúc)*

**12. Các căn cứ pháp lý về việc triển khai dự án:**

*- Liệt kê các văn bản có liên quan đến việc triển khai dự án*

*- Tóm tắt kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sẽ ứng dụng trong dự án*

*- Công bố các chứng chỉ về khoa học và công nghệ: kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp nhà nước, cấp bộ, cấp thành phố về đề tài nghiên cứu hoặc các chứng chỉ có giá trị pháp lý về công nghệ được lựa chọn*

**13. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội có liên quan đến dự án:** ................

**III. NỘI DUNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA DỰ ÁN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **14. Mục tiêu của dự án:**  14.1. Mục tiêu chung*: (bám sát đặt hàng)*  14.2. Mục tiêu cụ thể: *(Cụ thể hóa mục tiêu cần đạt trong thời gian thực hiện dự án)* | | | | | |
| **15. Tổng quan tình hình nghiên cứu:**  (Nêu những thông tin cơ bản, mới nhất về tình hình nghiên cứu, triển khai trong nước, trong khu vực và Quốc tế: thể hiện sự am hiểu và nắm bắt được thông tin về các công nghệ, các kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực của dự án, về những luận cứ xuất xứ của dự án mà dựa vào đó tác giả xây dựng dự án,... )  **Ngoài nước:**  **Trong nước:** | | | | | |
| **16. Nội dung và quy mô của dự án**(*nêu những nội dung, quy mô và các bước công việc cụ thể, những vấn đề trọng tâm mà dự án cần triển khai thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra):*   * Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ * Luận cứ rõ những vấn đề trọng tâm mà dự án cần giải quyết (như các bước công nghệ, các thông số về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, quy mô triển khai dự án, chủng loại sản phẩm ,..... cần hoàn thiện và ổn định, khối lượng sản phẩm cần sản xuất để ổn định công nghệ).   - Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án. | | | | | |
| **17. Các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá** *(làm rõ các chỉ tiêu cần theo dõi trong quá trình triển khai dự án để đánh giá kết quả đạt được về kỹ thuật công nghệ, kinh tế xã hội, môi trường, …)* | | | | | |
| **18. Phương pháp thực hiện, kỹ thuật sẽ sử dụng và phương án tổ chức thực *hiện*** *(Phương pháp thực hiện, kỹ thuật sẽ sử dụng - so sánh với các phương thức giải quyết tương tự khác, nêu được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của dự án và phương án tổ chức thực hiện).* | | | | | |
| **19. Tiến độ thực hiện dự án** | | | | |
| **TT** | **Các nội dung, công việc thực hiện chủ yếu (Các mốc đánh giá chủ yếu)** | **Sản phẩm phải đạt** | **Thời gian (BĐ-KT)** | **Người, cơ quan thực hiện** |
| 1 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

**IV. DỰ KIẾN KẾT QUẢ DỰ ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **20. Dạng kết quả dự kiến của dự án** | | |
| **Dạng kết quả I** | **Dạng kết quả II** | **Dạng kết quả III** |
| Dây chuyền công nghệ | Quy trình công nghệ | Phần mềm máy tính. |
| Sản phẩm *(có thể trở thành hàng hoá, để thương mại hoá)* | Phương pháp | Số liệu, Cơ sở dữ liệu |
| Thiết bị, máy móc | Tiêu chuẩn | Báo cáo phân tích |
| Vật liệu | Quy phạm | Tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)* |
| Giống cây trồng | Nguyên lý ứng dụng | Đề án, qui hoạch triển khai |
| Giống vật nuôi | Bản vẽ thiết kế | Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi |
| Khác | Khác | Khác |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **21. Yêu cầu khoa học, kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra** | | | | | | | | | |
| **21.1 Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm tạo ra (dạng kết quả II, III)** | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Tên sản phẩm** | | **Yêu cầu khoa học** | | | | | **Chú thích** |
| 1 | |  | |  | | | | |  |
| … | |  | |  | | | | |  |
|  | |  | |  | | | | |  |
| **21.2 Yêu cầu khoa học, kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra (dạng kết quả I)** | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu** | | **Đơn vị đo** | | **Mức chất lượng cần** | | **Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra** | |
| 1 | |  | |  | |  | |  | |
| … | |  | |  | |  | |  | |
|  | |  | |  | |  | |  | |
| **22. Hiệu quả của Dự án (dự kiến)** | | | | | | | | |
| * **Hiệu quả về khoa học và công nghệ** *(tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh…)* * **Hiệu quả về kinh tế** *( phân tich rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do Dự án KHCN mang lại gồm: làm lợi do thay thế nhập khẩu, tăng tỷ lệ nội địa hoá, thuê chuyên gia…so với hiện tại)* * **Hiệu quả về xã hội** *(ảnh hưởng tác động do thực hiện dự án KHCN mang lại như tạo công ăn việc làm,. tăng sức cạnh tranh các sản phẩm, tăng thu nhập cho người lao động…)* | | | | | | | | |
| **23. Liên kết với sản xuất và đời sống** | | | | | | | | |
| *(Ghi rõ đơn vị sản xuất hoặc người sử dụng kết quả tham gia vào quá trình thực hiện và nêu rõ nội dung công việc thực hiện trong dự án)* | | | | | | | | |
| **24. Phương án phát triển sau khi kết thúc dự án** Phân tích tính khả thi của phương án chuyển giao công nghệ hoặc mở rộng sản xuất (*nêu địa chỉ dự kiến tiếp nhận chuyển giao công nghệ của dự án hoặc mở rộng quy mô sản xuất, các văn bản thỏa thuận tiếp nhận hoặc chuyển giao công nghệ....:* | | | | | | | | |
| **STT** | | **Tên sản phẩm** | | **Địa chỉ** | | **Thời gian** | | |
| 1 | |  | |  | |  | | |
| … | |  | |  | |  | | |

**V. CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **25. Hoạt động của các tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án** (Ghi tất cả các tổ chức phối hợp thực hiện dự án và phần nội dung công việc tham gia trong dự án) | | | | | | |
| **TT** | | **Tên tổ chức** | **Địa chỉ** | **Nội dung hoạt động/ đóng góp cho dự án** | | **Dự kiến kinh phí** |
| **1** | |  |  |  | |  |
|  | |  |  |  | |  |
|  | |  |  |  | |  |
| **…** | |  |  |  | |  |
| **26. Danh sách các thành viên thực hiện dự án** (Ghi những người có đóng góp chính thuộc tổ chức chủ trì và đơn vị tham gia dự án, không quá 10 người) | | | | | | |
| **TT** | **Họ và tên/học hàm, học vị** | | | | **Cơ quan công tác** | |
| **1** |  | | | |  | |
| **…** |  | | | |  | |
|  |  | | | |  | |
|  |  | | | |  | |
|  |  | | | |  | |

**VI. NHU CẦU VẬT CHẤT VÀ KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**27. Về cơ sở vật chất, kỹ thuật công nghệ: (***làm rõ nhu cầu về nhà xưởng, lán trại, trang thiết bị công nghệ,…)*

***\* Về cơ sở vật chất:***

- Cải tạo sửa chữa

- Xây mới

- Hệ thống điện, nước

- Hệ thống xử lý giảm thiểu tác động môi trường

(Các hạng mục trên phải nêu rõ mục đích và vai trò sử dụng trong dự án)

***\* Về trang thiết bị công nghệ:***

- Sửa chữa, cải hoán

- Thuê thiết bị

- Mua mới

- Kiểm định, kiểm nghiệm

*(Các hạng mục trên phải nêu rõ mục đích và vai trò sử dụng trong dự án tỷ lệ công suất hay thời gian tham gia dự án, khối lượng, kinh phí)*

**28. Nhu cầu kinh phí thực hiện dự án**

Đơn vị: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **28** | **Kinh phí thực hiện dự án** | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Công lao động (khoa học, phổ thông)** | **Nguyên,vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách SNKH: |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Các nguồn vốn khác |  |  |  |  |  |  |

**VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**29. Kết luận:** *(Khẳng định sự cần thiết thực hiện dự án, năng lực của cơ quan chủ trì thực hiện và các đơn vị phối hợp, hiệu quả của dự án, khả năng nhân rộng mô hình sau khi kết thúc dự án)*

**30. Kiến nghị:** ........................

……, ngày … tháng … năm 20…

|  |  |
| --- | --- |
| Cơ quan chủ trì dự án  (Họ, tên, chữ ký và đóng dấu) | Chủ nhiệm dự án  (Họ, tên và chữ ký) |
|  |  |

**Phụ lục**

# TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ ÁN THEO NỘI DUNG CHI

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | **Vốn khác** |
| Tổng số | Trong đó, khoán chi theo quy định |
| 1 | Trả công lao động |  |  |  |  |
| 2 | Nguyên,vật liệu, năng lượng |  |  |  |  |
| 3 | Thiết bị, máy móc |  |  |  |  |
| 4 | Xây dựng, sửa chữa nhỏ |  |  |  |  |
| 5 | Chi khác |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

# Khoản 1a. Công lao động trực tiếp

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số người** | **Tổng số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí (1.000 đồng)** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Vốn khác** |
| 1 | Chủ nhiệm dự án |  |  |  |  |
| 2 | Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học |  |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |  |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |  |
| **Cộng:** | |  |  |  |  |

# DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

# *Đơn vị tính: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc1** | **Chức danh nghiên cứu2** | **Tổng số người thực hiện** | **Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)3** | **Số ngày công quy đổi**  **(Snc)4** | **Tổng kinh phí**  **(Tc)** | **Nguồn vốn** | |
| **Ngân sách**  **nhà nước** | **Vốn khác** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=5x6x**Lcs5** | 8 | 9 |
| **1** | **Nghiên cứu tổng quan** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1.1. Công việc 1: | Thư ký khoa học | 01 | 0,34 | 10 |  |  |  |
|  | ................ |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2.1. Công việc 1: |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ...... | ........................ |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | ***Tổng kết, đánh giá*** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 5.1. Công việc 1: |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 của QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN và phù hợp với *mục 17 của thuyết minh*.

2. thành viên thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 12 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại *mục 22 của thuyết minh*.

3*.* Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 5 của QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN.

4. **Hstcn** được xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 5 của QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN

5. **Snc** theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 của QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN.

**6.** Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Điểm bKhoản 1 Điều 5 của QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN

# Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

*Đơn vị: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | **Vốn khác** |
| **Kinh phí** | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
|  | ***Công việc 1*** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nguyên, vật liệu |  |  |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Năng lượng, nhiên liệu |  |  |  |  |  |  |  |
|  | …… |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***Công việc 2*** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | .............. |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

### *1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:*

*- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do … ban hành tại các văn bản … và báo giá kèm theo.*

*- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.*

### *2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi*

### Khoản 3. Thiết bị, máy móc

*Đơn vị: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | **Vốn khác** |
| **Kinh phí** | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| **I** | **Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án[[1]](#footnote-1)** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……. |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……….. |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Khấu hao thiết bị**[[2]](#footnote-2) |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI** | **Thuê thiết bị**(ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |
|  | .............. |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Thiết bị công nghệ mua mới** |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** | ***Vận chuyển lắp đặt*** |  |  |  |  |  |  |  |
| **VI** | **Bảo dưỡng, sữa chữa** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

### Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

*Đơn vị: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | **Vốn khác** |
| **Kinh phí** | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| 1 | Chi phí xây dựng ...... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí sửa chữa ....... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 5. Chi khác**

*Đơn vị: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | **Vốn khác** |
| **Kinh phí** | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| ***1*** | ***Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu*** (*Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)* |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Hợp tác quốc tế*** (*định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...) |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  |  |  |  |
| ***3*** | ***Kinh phí quản lý*** *(bằng 3% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 50 triệu đồng)* |  |  |  |  |  |  |  |
| ***4*** | ***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ*** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi phí kiểm tra nội bộ (*định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi phí Hội đồng đánh giá giữa kỳ, Hội đồng tự đánh giá kết quả đề tài (nếu có); *(mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu KH&CN cấp tỉnh)* |  |  |  |  |  |  |  |
| ***5*** | ***Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***6*** | ***Chi khác*** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Hội thảo (*định mức chi theo quy định tại QĐ số 57/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dịch tài liệu (*định mức chi theo quy định hiện hành)* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |

1. *Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.* [↑](#footnote-ref-2)